

Bản án số: **20/2023/DS-PT**

Ngày: 08/3/2023

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Công Đường

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vạn N3, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2022/QĐXXPT-DS ngày 15/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐPT-DS ngày 13/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐPT-DS ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1931; Địa chỉ: Thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Có mặt)

* Bi đơn: Ông Trần Văn L1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Có mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn L1: Luật sư Lê Văn T4 – Văn phòng Luật sư Lê Văn T4 và Cộng sự; Địa chỉ: 102 Nguyễn T5, Phước T6, N4, Khánh H1. (Có mặt).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị Thu N sinh năm 1966; Địa chỉ: thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Có mặt)

2/ Bà Trần Thị Thu N1 sinh năm 1975; Trú tại: thôn Bình T1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Có mặt)

3/ Ông Trần Văn Q sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Có mặt)

4/ Bà Trần Thị Thu H sinh năm 1979; Trú tại: tổ dân phố 14, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Có mặt)

5/ Bà Trần Thu N2 sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn Phú Cang 1 B1, xã Vạn P1, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Có mặt)

6/ Bà Nguyễn Thị Thu E sinh năm 1978; Trú tại: thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Có mặt)

** Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1980; Trú tại: thôn Trung D2, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Vắng mặt)

2/ Ông Phạm Ngọc Q1, sinh năm 1970; Trú tại: thôn Trung D2, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1963; Trú tại: thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Vắng mặt)

4/ Ông Mai Xuân H1, sinh năm 1971; Trú tại: thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Vắng mặt)

5/ Ông Nguyễn Hùng P, sinh năm 1973; Trú tại: thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Vắng mặt)

6/ Ông Trương Thanh T, sinh năm 1975; Trú tại: thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Vắng mặt)

7/ Ông Nguyễn L2 - sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn Phú Hội 2, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Vắng mặt)

8/ Ông Trương Văn Đ - sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn Bình T1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. (Vắng mặt)

** Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn L1*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ ông Trần Văn L là bà Phan Thị L3, sinh năm 1940 (*chết năm 2019*). Vợ chồng ông L có 06 người con chung là: Trần Văn L1, Trần Văn Q, Trần Thị Thu N, Trần Thị Thu N1, Trần Thu N2, Trần Thị Thu H. Vợ ông L chết không để lại di chúc, không có con riêng, con nuôi.

Di sản thừa kế của vợ ông Long để lại gồm có:

Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 35, diện tích 1533,6m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BQ 863321 do Ủy ban nhân dân huyện Vạn N3 cấp ngày 14/7/2014 cho hộ gia đình ông Trần Văn L và bà Phan Thị L3, tọa lạc tại thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. Nguồn gốc của thửa đất nêu trên là vợ chồng ông L mua của ông Trần Đắc T2 và bà Trần Thị T3 vào năm 1996 với giá khoảng 18 chỉ vàng, phần thừa kế của vợ ông L là một phần hai thửa đất này.

Tài sản nằm trên thửa đất số 179 gồm: 01 nhà chính: Móng xây đá chẻ, tường xây gạch quét vôi, mái ngói, vì kèo gỗ, nền lát xi măng, cửa đi gỗ, cửa sổ gỗ, diện tích 36m²; phòng ngủ: móng xây đá chẻ, vách gỗ, mái ngói, vì kèo gỗ, nền lát xi măng, cửa gỗ, diện tích 21,35m² (*do ông Trần Văn L đang quản lý, sử dụng*); 01 nhà mái ngói, vách ván, móng xây đá chẻ, nền lát xi măng, diện tích 22,05m² (*do vợ chồng ông L1, bà E quản lý sử dụng*); mái che 1: nền

láng xi măng, mái tole, cột kèo thép, diện tích 37,44m²; mái che 2: Vách tre với tole, mái tole, cột gỗ, kèo thép, nền láng xi măng, diện tích 16,5m²; mái che 3: vách tre, tole, mái tole, vì kèo gỗ, nền láng xi măng, diện tích 21,07m²; 01 giếng nước: bọng bê tông, sâu 3m, đường kính 0,9m do vợ chồng ông xây dựng, phần thừa kế của vợ ông là một phần hai các tài sản này và 77 cây dừa đã có trái do vợ chồng ông trồng, chăm sóc phần thừa kế của vợ ông là một phần hai số cây dừa.

Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia tài sản thừa kế của vợ ông L đối với các tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật và ông xin nhận phần đất có gắn liền với nhà và các công trình gắn với nhà, 70 cây dừa trên đất. Chia tài sản thừa kế là đất cho bị đơn ông L1 theo quy định pháp luật là 109,54m² (làm tròn 109,6m²) trong đó có 60m² đất ở nông thôn để tách thửa theo Quyết định 32/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh H1. Yêu cầu ông L1, bà E di dời chỗ ở, trả lại nhà mái ngói, vách ván, móng xây đá chẻ, nền láng xi măng, diện tích 22,05m² mà ông L1, bà E đang quản lý, sử dụng sau khi chia thừa kế. Ông L không đồng ý với yêu cầu của ông L1 về việc hoàn lại tiền thu lợi từ việc mua bán dừa 900.000.000đ và tiền san lấp mặt bằng thửa đất thừa kế 320.000.000đ.

Ông Trần Văn L1 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Văn L về các tài sản thừa kế là đất, nhà và các công trình của bà Phan Thị L3 để lại như nguyên đơn trình bày. Nhưng theo ông L1 căn nhà mái ngói diện tích 36m² có công sức đóng góp của ông L1 về dàn cây gỗ xây nhà, sân xi măng là do ông xây. 77 cây trên thửa đất 179 là do ông L1 trồng, chăm sóc. Ông L1 giao cho cha ông quản lý và thu lợi số dừa này từ năm 2010 đến năm 2020 và hiện nay cha ông đang quản lý 70 cây dừa.

Ông L1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Ông L1 đồng ý chia thừa kế đối với các tài sản nêu trên theo quy định pháp luật, ông L1 xin chia bằng hiện vật và yêu cầu cha ông là ông L phải hoàn lại toàn bộ số tiền thu lợi từ việc bán dừa trong vườn dừa tính từ năm 2010 đến đầu năm 2020, mỗi năm thu lợi 90.000.000đ x 10 năm = 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng); hoàn tiền san lấp mặt bằng đối với thửa đất 179, diện tích 1533,6m² do ông san lấp từ năm 2007 với số tiền 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng), trả lại cho ông giá trị các cây dừa trên đất trong quá trình chia đất. Tại phiên tòa ông L1 yêu cầu bổ sung: tính công sức đóng góp của ông về dàn cây gỗ xây nhà mái ngói diện tích 36m², sân xi măng.

Tại các bản tự khai và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q, bà Trần Thị Thu N, bà Trần Thị Thu N1, bà Trần Thị Thu N2, bà Trần Thị Thu H thống nhất trình bày:

Cha mẹ ông, bà là ông Trần Văn L và bà Phan Thị L3, sinh năm 1940 (chết năm 2019). Cha mẹ ông bà có 06 người con chung là: Trần Văn Q, Trần Thị Thu H, Trần Văn L1, Trần Thu N2, Trần Thị Thu N, Trần Thị Thu N1. Mẹ ông bà chết không để lại di chúc, không có con riêng, con nuôi. Các ông, bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Văn L về các tài sản thừa kế của bà Phan Thị L3 để lại.

Bà H, ông Q, bà N2, bà N1, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết: Giao toàn bộ phần di sản thừa kế do mẹ ông, bà để lại mà ông bà được chia sau khi chia thừa kế cho cha của ông, bà là ông Trần Văn L. Chia tài sản thừa kế là đất cho bị đơn ông L1 theo quy định pháp luật là 109,54m² (làm tròn 109,6 m²) trong đó có 60m² đất ở nông thôn để tách thửa theo Quyết định 32/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Không đồng ý với yêu cầu của ông L1 về việc hoàn lại tiền mua bán dừa và tiền san lấp mặt bằng thửa đất thừa kế. Các ông, bà thừa nhận là vợ chồng ông L1, bà E có bỏ tiền san lấp mặt bằng đối với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 35 xã Vạn B thời gian san lấp là năm 2010, giá trị tiền mà ông L1, bà E chi phí san lấp khoảng 20.000.000đ, các ông, bà có ý kiến hỗ trợ ông Trần Văn L1 và bà Nguyễn Thị Thu E 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền vợ chồng ông L1 bà E đã san lấp mặt bằng vào năm 2010.

Tại phiên tòa sơ thẩm các người làm chứng trình bày:

Ông Phạm Ngọc Q1 trình bày: Ông có quan hệ họ hàng với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn L và các con ông L. Từ năm 2010 đến năm 2019 ông thường đến vườn dừa của ông Trần Văn L, bà Phan Thị L3 khoảng 100 cây dừa, để mua dừa diêm trái, hàng tháng trong khoảng 20 ngày ông mua một đợt, tùy theo lứa dừa mỗi đợt mua với số tiền ít là 4.000.000 đồng đến 8.000.000đ, tức một cây mua trái từ 40.000 đồng đến 80.000 đồng. Bà Phan Thị L3 là người trực tiếp bán và thu tiền với ông, ông L1, bà E vợ ông L1, ông L không mua bán với ông. Ông biết ông L1 là người san lấp đất, còn việc ai là người trồng dừa ông không biết.

Ông Nguyễn Thành C trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng, thân thích gì với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn L và các con ông L. Hiện ông đang làm trưởng thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh Hòa, ông bắt đầu làm trưởng thôn Trung D1, xã Vạn B từ năm 1999. Theo ông biết thì thời điểm năm 2007 ông L1 ở chung với cha mẹ ông là ông Trần Văn L và bà Phan Thị L3 thì ông L1 có trúng trầm kỳ và có bỏ tiền san lấp mặt bằng trên thửa đất số 179, tờ bản đồ số 35 xã Vạn B, ông biết việc này là do thời điểm đó ông L1 thuê xe đổ đất phía trước đường vào đất, rồi lại thuê xe bò chở đất vào bên trong để san lấp mặt bằng, ông là trưởng thôn nên đến vận động gia đình ông L1 vận chuyển đất cho nhanh để còn có đường đi cho bà con; còn việc ông L hay ông L1 trồng dừa thì ông không biết.

Ông Nguyễn L2 trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng, thân thích gì với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn L và các con ông L. Khoảng năm 2007 ông L1 có nhiều lần thuê ông chở xe bò cát đến thửa đất nhà ông L1 và ông L đang ở (thửa đất số 179, tờ bản đồ số 35, diện tích 1533,6m²) tại thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh Hòa để đổ cát lấp ao, ruộng phía sau nhà, với giá 60.000đ/xe, phương thức thanh toán tiền có khi ứng tiền trước, có khi vài ngày mới thanh toán, ông nhớ chỗ sâu nhất khi lấp ao, ruộng ở nhà ông L1 là khoảng 1m70, còn chỗ cạn nhất là khoảng 0,6m. Ông không nhớ rõ đã đổ bao nhiêu xe cát và bao nhiêu tiền, chỉ nhớ là đổ không liên tục, đổ theo đợt.

Ông Trương Văn Đ trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng, thân thích gì với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn L và các con ông L. Khoảng năm 2007 ông L1 có nhiều lần thuê ông chở xe bò cát đến thửa đất nhà ông L1 và ông L đang ở (thửa đất số 179, tờ bản đồ số 35, diện tích 1533,6m²) tại thôn Trung D1,

xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1 để đổ cát lấp ao, ruộng phía sau nhà, với giá 60.000đ/xe, phương thức thanh toán tiền có khi ứng tiền trước, có khi vài ngày mới thanh toán, ông nhớ chỗ sâu nhất khi lấp ao, ruộng ở nhà ông L1 là khoảng 1m70, còn chỗ cạn nhất là khoảng 0,6m. Ông không nhớ rõ đã đổ bao nhiêu xe cát và bao nhiêu tiền, chỉ nhớ là đổ không liên tục, đổ theo đợt.

Tại Bản án số 10/2022/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 điều 651, Điều 288 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 66 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Văn L.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với thừa đất số 179, tờ bản đồ số 35, diện tích đất 1533,6m², tọa lạc tại thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1.

3. Chia thừa kế theo hiện vật như sau:

Phần đất giao cho ông Trần Văn L (ký hiệu thừa tạm 179-2) có diện tích 1.400 m² (trong đó có 140 m² đất ở, 1.260 đất trồng cây lâu năm) thuộc thừa đất số 179, tờ bản đồ số 35, bản đồ địa chính xã Vạn B, tọa lạc tại thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1; trên đất có các tài sản là nhà, các công trình gắn liền và 70 cây dừa. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Phần đất giao cho ông Trần Văn L1 (ký hiệu thừa tạm 179-1) có diện tích 109,6 m² đất (trong đó có 60m² đất ở nông thôn, 49,6 m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thừa đất số 179, tờ bản đồ số 35, bản đồ địa chính xã Vạn B, tọa lạc tại thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1, trên đất có 07 cây dừa. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm tự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được giao quản lý, sử dụng.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Trần Thị Thu N, bà Trần Thị Thu N1, bà Trần Thị Thu N2, bà Trần Thị Thu H phải liên đới trả cho bị đơn ông Trần Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu E 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*).

5. Ông Trần Văn L1, bà Nguyễn Thị Thu E phải di dời chỗ ở trả lại nhà mái ngói, vách ván, móng xây đá chẻ, nền lát xi măng, diện tích 22,05m² (*ký hiệu nhà 1 theo sơ đồ bản vẽ kèm theo*) mà ông L1, bà E đang quản lý, sử dụng nằm trên phần đất của Trần Văn L để giao lại cho ông L sở hữu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, bị đơn là ông Trần Văn L1 có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm: ông đồng ý chia di sản thừa kế của bà Phan Thị L3 theo qui định của pháp luật về thừa kế theo pháp luật, xin nhận hiện vật và yêu cầu ông Trần Văn L phải trả lại cho ông toàn bộ số tiền thu lợi từ việc bán dừa từ năm 2010 - 2020 với tổng số tiền là 900.000.000đ, tiền san lấp mặt bằng thửa đất số 179 với diện tích là 1533,6m² năm 2007 với số tiền là 320.000.000đ.

*** Tai phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn, ông Trần Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn ông Trần Văn L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã trình bày ở trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Lê Văn T4 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, lời khai của các người làm chứng là ông Mai Xuân H1, Phạm Ngọc Q1 về việc mua dừa và san lấp mặt bằng là phù hợp với lời khai của bị đơn ông Trần Văn L1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự thì cần trưng cầu giám định để làm rõ 77 cây dừa xiêm được trồng trên thửa đất số 179, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1 có tuổi đời là bao nhiêu năm?; Khối lượng một mét vuông (m²) trong việc san lấp mặt bằng có độ sâu từ 1m>1,50m có giá trị bao nhiêu tiền trên/m²?. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn L1 và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Các người làm chứng ông Nguyễn Thanh D, ông Phạm Ngọc Q1, ông Nguyễn Thành C, ông Mai Xuân H1, ông Nguyễn Hùng P, ông Trương Thanh T, ông Nguyễn L2 và ông Trương Văn Đ đã được triệu tập nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Đối với yêu cầu của ông Trần Văn L1 về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định 77 cây dừa xiêm được trồng trên thửa đất số 179 tờ bản đồ số 35 và khối lượng một mét vuông (m²) trong việc san lấp mặt bằng có độ sâu từ 1m>1,5m có giá trị bao nhiêu tiền trên/m²; Cùng địa chỉ: Thôn

Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo số 192/TB-TA ngày 04/11/2021 về yêu cầu trưng cầu giám định (BL73) nhưng ông Lượng không thực hiện nên không có cơ sở để xem xét ở cấp phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn là ông Trần Văn L1. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Vạn N3 cung cấp gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 13/12/1997, giấy nhượng bán nhà và vườn thanh hoa ngày 20/10/1996, đơn xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất thổ cư ngày 15/12/1997 thì nguồn gốc của thửa đất số 179 tờ bản đồ số 35 diện tích 1533,6m² được Ủy ban nhân dân huyện Vạn N3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 863321 ngày 14/7/2014 là do ông Trần Văn L và bà Phan Thị L3 nhận chuyển nhượng của ông Trần Đắc T2 và bà Trần Thị T3 năm 1996, nên đây là tài sản chung của ông L, bà L3. Bà L3 chết năm 2019 không để lại di chúc, căn cứ theo điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì những người thừa kế của bà L3 là ông Trần Văn L, ông Trần Văn L1, bà Trần Thị H, ông Trần Văn Q, bà Trần Thu N2, bà Trần Thị Thu N, bà Trần Thị N1. Di sản mà bà L3 để lại là một phần hai thửa đất số 179 tờ bản đồ số 35 xã Vạn B với diện tích là: $1533,6\text{m}^2 / 2 = 766,8\text{m}^2$ (100m² đất ở nông thôn, 666,8m² đất trồng cây lâu năm), mỗi kỳ phần thừa kế là: $766,8\text{m}^2 / 7 = 109,54\text{m}^2$. Do đó, ông L1 đồng ý với việc chia di sản theo pháp luật nên được hưởng thừa kế từ bà L3 là 109,54m² và ông L1 không kháng cáo nội dung này nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.2]. Đối với yêu cầu buộc ông L phải trả 900.000.000đ tiền thu lợi từ việc bán dừa từ năm 2010 - 2020: nhân chứng ông Mai Xuân H1 trình bày năm 2007 có bán cho ông Trần Văn L1 02 đợt dừa (đợt 1: 71 cây giá 30.000đ/ cây = 2.100.000đ, đợt 2: 30 cây giá 30.000đ/ cây = 900.000đ) để về trồng ở nhà; nhân chứng ông Phạm Ngọc Q1 trình bày từ năm 2010 - 2019 vườn dừa nhà ông L, bà L3 có khoảng 100 cây, ông Quá mua dừa xiêm trái, hàng tháng trong khoảng 20 ngày tùy đợt, mỗi đợt mua với số tiền từ 4.000.000đ đến 8.000.000đ (01 cây mua trái từ 40.000đ đến 80.000đ), bà L3 là người trực tiếp nhận tiền, ông không mua dừa của ông L, ông L1, bà E. Ông Q1 trình bày ông biết ông L1 là người san lấp đất, còn trồng dừa thì không biết ai trồng; ông L trình bày 70 cây dừa là do ông và bà L3 trồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối chất giữa các đương sự nhưng ông L1 và các người làm chứng vắng mặt; Tòa án mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn và nhân chứng cũng vắng mặt; qua kết quả thẩm định, xem xét tại chỗ cũng không xác định được số dừa trên là của ông L1. Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, ngoài lời khai của các nhân chứng thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh số dừa trên là của ông L1. Do đó, không có đủ cơ sở xác định số dừa trên là của ông L1, cũng như việc ông L là người thu tiền từ việc bán dừa trong thời gian trên, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông L1 về buộc ông L trả cho ông số tiền 900.000.000đ.

[2.3]. Về yêu cầu trả tiền san lấp mặt bằng trên thửa đất 179 diện tích 1533,6m² với tổng số tiền 320.000.000đ: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp

sơ thẩm đã ban hành Thông báo số 192/TB-TA ngày 04/11/2021 về yêu cầu trưng cầu giám định nhưng ông L1 không trả lời; Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đối chất giữa ông L, ông L1, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan với các nhân chứng, nhưng ông L1 và các nhân chứng không tham gia, cũng như không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cho thấy ông L1 đã từ bỏ quyền của mình, không cung cấp các tài liệu đối với lời khai của mình. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận.

Từ các nhận định tại mục [2.2], [2.3] Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn L1 và cần giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí: Ông Trần Văn L1 phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Căn cứ Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 điều 651, Điều 288 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 66 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Văn L.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với thừa đất số 179, tờ bản đồ số 35, diện tích đất 1533,6m², tọa lạc tại thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1.

3. Chia thừa kế theo hiện vật như sau:

3.1. Phần đất giao cho ông Trần Văn L (*ký hiệu thừa tạm 179-2*) có diện tích 1.400m² (*trong đó có 140m² đất ở, 1.260m² đất trồng cây lâu năm*) thuộc thừa đất số 179, tờ bản đồ số 35, bản đồ địa chính xã Vạn B, tọa lạc tại thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1; trên đất có các tài sản là nhà, các công trình gắn liền và 70 cây dừa. (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*).

3.2. Phần đất giao cho ông Trần Văn L1 (*ký hiệu thừa tạm 179-1*) có diện tích 109,6 m² đất (*trong đó có 60m² đất ở nông thôn, 49,6 m² đất trồng cây lâu năm*) thuộc thừa đất số 179, tờ bản đồ số 35, bản đồ địa chính xã Vạn B, tọa lạc tại thôn Trung D1, xã Vạn B, huyện Vạn N3, tỉnh Khánh H1, trên đất có 07 cây dừa. (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*).

3.3. Các đương sự có trách nhiệm tự liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất được giao sở hữu.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Trần Thị Thu N, bà Trần Thị Thu N1, bà Trần Thu N2, bà Trần Thị Thu H phải liên đới trả cho bị đơn ông Trần Văn L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu E 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

5. Ông Trần Văn L1, bà Nguyễn Thị Thu E phải di dời chỗ ở trả lại nhà mái ngói, vách ván, móng xây đá chẻ, nền lát xi măng, diện tích 22,05m² (ký hiệu nhà 1 theo sơ đồ bản vẽ kèm theo) mà ông L1, bà E đang quản lý, sử dụng nằm trên phần đất của Trần Văn L để giao lại cho ông L sở hữu.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Trần Văn L1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số AA/2021/0003486 ngày 23/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vạn N3, Khánh Hòa. Ông Trần Văn L1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện Vạn Ninh;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Thanh